

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28/2018/DS-PT**
Ngày 08- 11-2018
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hồ Loan

Các Thẩm phán: Bà Hng Thị Minh Khánh
Ông Ma Hồng Thắng

Thư ký phiên tòa: Bà Quan Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thúy Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 27/2018/TLPT-DS, ngày 22 tháng 10 năm 2018 về việc: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2018/DS-ST, ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Y bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 28/2018/QĐ-PT, ngày 25 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đỗ Thế T**, sinh năm 1956. Có mặt.

Bà **Vũ Thị H**, sinh năm 1957. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị H: Ông Đỗ Thế T, được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 10/7/2017 .

Cùng địa chỉ: Xóm P, xã T huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

2. Bị đơn: Anh **Kiều Quốc S**, sinh năm 1972 . Có mặt.

Chị **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1976. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị V: Anh Kiều Quốc S, được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 31/10/2018.

Cùng địa chỉ: Xóm P, xã T huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Trường A- Chức vụ: Chủ tịch UBND xã T. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Đỗ Thế T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đỗ Thế T trình bày:

Năm 1987 ông mua 01 mảnh đất (gồm nhà và hoa màu trên đất) của vợ chồng ông Đào Đình Tr và bà Lê Thị Th tại Xóm P, xã T huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Khi mua giữa hai bên có làm giấy tờ mua bán, không ghi diện tích đất là bao nhiêu m², chỉ nêu các điểm giáp ranh của mảnh đất mà không ghi cụ thể các điểm tiếp giáp chiều dài, chiều rộng, không có sơ đồ đất. Sau khi mua gia đình ông đã chuyển đến ở và sử dụng ổn định không có tranh chấp. Năm 1993 UBND xã T tiến hành kê khai đất, gia đình ông cũng chỉ biết chỉ các mốc giáp ranh để cán bộ xã đến đo đạc và lập sổ sách hồ sơ địa chính, cụ thể diện tích bao nhiêu là do kỹ thuật đo đạc của cán bộ xã, thực tế đất của gia đình ông sử dụng ổn định không bị ai lấn chiếm tranh chấp nên ông không xem cán bộ ghi chép kẻ vẽ như thế nào. Năm 2001 do điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông và bà Vũ Thị H phải bán đi một phần diện tích đất đang ở cho anh Kiều Quốc S và chị Nguyễn Thị V với chiều ngang bám đường quốc lộ 2 Tuyên Quang – Hà Giang là 4,5 mét, chiều dài bám mặt đường dân sinh vào xóm P là 53 mét, chiều rộng phía sau là 4,5 mét. Một thời gian sau gia đình ông tiếp tục bán cho ông Vũ Văn H và bà Phạm Thị Th 4 mét đất bám mặt đường quốc lộ 2 và không ghi chiều sâu là bao nhiêu (thời gian bán là năm nào ông không nhớ), khi bán cho ông Hưng và bà Thà có làm giấy tờ mua bán.

Sau khi bán đất cho anh Kiều Quốc S, chị Nguyễn Thị V do hai vợ chồng ông hàng ngày đi dạy học ở xa nên không có thời gian xem xét, để ý việc gia đình anh S xây nhà ở, nhà xưởng. Khoảng vài năm sau ông phát hiện ra anh S, chị V làm nhà vượt quá số diện tích đất vợ chồng ông đã bán, phần vượt quá chiều rộng phía trước là 2,16 mét, chiều sâu là 40 mét. Ông đã làm đơn đề nghị được xóm và UBND xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang giải quyết. Ngày 01/8/2013 UBND xã T có công văn số 56/CV-UBND trả lời anh S và chị V đã lấn chiếm tổng diện tích đất là 86,4 m² nhưng UBND xã T đã kết luận anh S và chị V lấn chiếm đất đường làng xóm P, ông không nhất trí. Vì vậy ông khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh S và chị V phải trả lại cho ông diện tích đất đã lấn chiếm 86,4 m² (chiều rộng phía trước là 2,16 mét; chiều sâu là 40 mét). Nếu anh S, chị V không trả đất thì trả bằng tiền (trị giá đất) cho ông là 550.000.000đ (*Năm trăm năm mươi triệu đồng*).

Nguyên đơn Bà Vũ Thị H trình bày:

Bà nhất trí với ý kiến của ông Đỗ Thế T, ngày 09/6/2001 vợ chồng bà có bán cho anh S, chị V một phần diện tích đất tại xóm P, xã T là 4,5 mét chiều rộng, chiều dài bám mặt đường dân sinh vào xóm P là 53 mét, chiều rộng phía sau là 4,50 mét với giá 13.500.000đ (*Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng*). Sau khi

mua đất anh S, chị V làm nhà trên đất, gia đình bà đã phát hiện ra anh S, chị V làm nhà đã vượt quá số diện tích đất mua của vợ chồng bà có chiều rộng phía trước là 2,16 mét; chiều sâu là 40 mét. Bà đề nghị hai bên thiện chí hoà giải, phía anh S, chị V thanh toán cho gia đình ông, bà bằng tiền, bà không đòi đất nữa, còn về giá đất thì hai bên thoả thuận mức hợp lý. Theo bà diện tích 86,4m² có giá 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Bị đơn anh Kiều Quốc S và chị Nguyễn Thị V trình bày: Ngày 09/6/2001, vợ chồng anh chị mua đất của vợ chồng ông bà T bà H tại xóm P, xã T là 4,5 mét mặt đường (hướng Tây Nam), chiều sâu là 73 mét bóm đường dân sinh vào xóm (bao gồm cả 20m hành lang giao thông), phía sau giáp đường đi vào nhà bà B rộng là 12 mét, phía bên phải giáp nhà ông T và bà H sâu 73m với giá 13.500.000 đ (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng). Khi mua đất của ông T bà H hai bên có làm giấy tờ mua bán, ông T, bà H ký vào giấy tờ mua bán có cán bộ địa chính xã là ông Cao Văn L đến đo, kẻ vẽ sơ đồ và được UBND xã T xác nhận, giấy tờ mua bán bản gốc hiện nay gia đình anh giữ. Sau khi mua trong năm 2001 gia đình anh cải tạo đất và làm nhà. Do mảnh đất gia đình anh mua của ông T bà H giáp đường dân sinh vào xóm P không bằng phẳng, đất có độ nghiêng dốc (về phía nhà anh) nên gia đình anh phải đổ thêm đất vào tạo mặt bằng. Tại thời điểm đó đường dân sinh từ Quốc lộ 2 (Tuyên Quang – Hà Giang) vào xóm P còn ngoằn ngoèo, cua, gấp khúc, phía giáp với trường tiểu học Tuyên Hà là một bãi cây Xấu hổ gai rậm um tùm. Gia đình anh đã làm đơn xin với xóm P để được cải tạo con đường vào xóm và được xóm ủng hộ đồng ý, gia đình anh chị đã cuốc vào phần đất đường đi của xóm để san đất sang phía đất của gia đình chị, tạo mặt bằng đường, nắn thẳng đường vì thế con đường cũng được mở rộng ra thẳng đẹp, bằng phẳng và vì thế đất của gia đình chị cũng rộng hơn trước.

Gia đình ông T, bà H khởi kiện anh chị lấn chiếm đất và yêu cầu anh chị trả lại 2,16 mét đất chiều rộng, chiều sâu là 40 mét với diện tích là 86,4 m² là không có cơ sở vì mảnh đất của gia đình ông T trước khi bán cho gia đình anh chị có chiều rộng 28 mét bóm mặt đường Quốc lộ 2, ông đã bán cho gia đình anh chị 4,5m và gia đình ông bà H - Th 4m đất chiều rộng bóm mặt đường Quốc lộ 2; số đất của gia đình ông T chỉ còn lại 19,5m bóm mặt đường; UBND xã đã cùng hai gia đình đo lại diện tích đất ngoài thực địa, xác minh gia đình ông T không bị thiếu đất, như vậy đơn khởi kiện của ông T bà H không chính xác. Gia đình ông T kiện đòi gia đình anh chị phải trả lại đất hoặc phải trả số tiền giá trị đất do nguyên đơn đưa ra là 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng) gia đình anh chị không nhất trí.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã T, người đại diện theo pháp luật ông Lâm Trường A trình bày:

Qua kiểm tra thẩm định, gia đình anh Kiều Quốc S và chị Nguyễn Thị V khi làm nhà đã lấn chiếm vào đất đường đi của xóm P, xã T với diện tích trên 89,5 m²

(đất do xã quản lý). Hiện nay Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y chưa có kế hoạch sử dụng, khi nào Nhà nước hoặc xóm P có nhu cầu xây dựng đề nghị mở rộng đường giao thông thì gia đình anh Kiều Quốc S và chị Nguyễn Thị V phải tự giải phóng mặt bằng trả lại diện tích đất đã lấn chiếm, UBND xã không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân huyện Y xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; hòa giải không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 61/2018/DS-ST, ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y.

Quyết định: Căn cứ vào Các Điều 26; 35; 39; 147; 227; 288; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 166; 170, 203 Luật đất đai. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thế T và bà Vũ Thị H về việc kiện đòi diện tích đất 89,5m² trị giá 116.350.000đ (một trăm mười sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) anh Kiều Quốc S và chị Nguyễn Thị V đang quản lý sử dụng diện tích đất tại Xóm P, xã T huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018 Tòa án nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Đỗ Thế T đơn ghi ngày 11/9/2018, đơn kháng cáo có nội dung: kháng cáo bản án sơ thẩm số 61/2018/DS-ST ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y. Các lý do kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết tranh chấp đất đai không căn cứ vào giấy mua đất năm 1987 của ông; Tòa án dựa vào bản đồ địa chính xã T năm 1995, trên bản đồ đất của ông bị thu nhỏ so với thực tế, vì giấy mua đất nhà ông có từ "SÁT " đường làng vào xóm P, không có số mét và diện tích đất cụ thể; Kết luận của Tòa án đã lặp lại kết luận của UBND xã T, dù là thực tế ngoài hiện trường hay trên bản đồ địa chính khi các ông đo đạc, kẻ vẽ phải dựa vào giấy gốc năm 1987 mới đúng, giấy gốc ghi rõ từ "SÁT " đường làng vì vậy khi giải quyết vụ án phải căn cứ vào giấy mua đất gốc năm 1987 và phân tích kỹ từ "SÁT ĐƯỜNG LÀNG", đường làng vào xóm đến đâu thì đất nhà ông bám sát đường làng tại đó. Do vậy 89,5m² đất anh S lấn chiếm là đất của gia đình ông. Đề Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc anh S phải trả lại cho ông số đất 89,5m². Hiện nay đường làng vào xóm có chiều rộng 7,7m theo kết quả thẩm định.

Tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn ông Đỗ Thế T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Gia đình ông mua đất của gia đình ông Đào Đình Tr năm 1987 có giấy tờ mua bán, có xác nhận của UBND xã, quá trình sử dụng không có tranh chấp, sau khi chuyển nhượng cho anh S, chị V ông phát hiện ra anh chị lấn chiếm 89,5m², rộng trước 2,16m là đất thuộc quyền sử dụng của ông. Anh S xin thêm đất để tôn cao nền thì đất chỉ cao lên không rộng ra được, ông trưởng thôn mới đến không biết về đất tranh chấp. Bản đồ địa chính của xã ông không được dự khi đo vẽ nên không biết con số trong bản đồ, đất của gia đình ông "sát đường làng". Đề nghị HĐXX xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Kiều Quốc S đề nghị: Khi chuyển nhượng trong giấy chuyển nhượng đã có số liệu cụ thể, có địa chính xã đo đạc trực tiếp căng dây cắm sào. Đề

ng nghị HĐXX xem xét đất của ông T có thiếu không và căn cứ các chứng cứ quy định của pháp luật giải quyết dứt điểm vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của ông Đỗ Thế T là hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm số 61/2018/DS-ST ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Thế T: Gia đình anh Kiều Quốc S chị Nguyễn Thị V đã lấn chiếm 89,5m² đất của gia đình ông, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc gia đình anh S phải trả lại cho gia đình ông diện tích đất đã lấn chiếm.

Xét thấy: Tại “*Giấy thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và mua bán hoa màu*” giữa bên chuyển nhượng ông Đỗ Thế T bà Vũ Thị H và bên nhận chuyển nhượng anh Kiều Quốc S chị Nguyễn Thị V lập ngày 09/6/2001 có nội dung “Tổng diện tích đất của gia đình tôi hiện đang sử dụng là: 1770m² không kể HLGT, bóm mặt đường quốc lộ 2 là: 28,0m. Mặt bóm đường dân sinh vào xóm P: 73,0m. Nay gia đình tôi chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hoa màu cho gia đình anh Kiều Quốc S 1 phần diện tích cụ thể. Diện tích đất anh S được nhận quyền sử dụng là 291,0 m² (đã trừ HLGT 20m). Bóm mặt đường quốc lộ 2: 4,5 mét (hướng tây nam). Bóm mặt đường dân sinh vào xóm P chiều sâu là: 53m (đã trừ HLGT 20m), hướng Đông Nam. Phía sau giáp đường đi vào nhà bà B là: 12m từ mép đường trở vào. Phía phải giáp nhà anh T - H. Giá cả thỏa thuận với số tiền là 13.500.000đ (Mười ba triệu năm trăm ngàn đồng)”. Kèm theo sơ đồ đất chuyển nhượng do cán bộ địa chính xã vẽ, thể hiện diện tích, kích thước, vị trí đất giáp ranh, số thửa đất chuyển nhượng. Có xác nhận của cán bộ địa chính và chứng thực của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y. Đất chuyển nhượng có nguồn gốc do gia đình bà Vũ Thị H nhận chuyển nhượng của ông Đào Đình Tr ngày 18/7/1987, có giấy chuyển nhượng nhà và hoa màu được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận. Giấy chuyển nhượng không có diện tích, kích thước, số thửa, tờ bản đồ, chỉ xác định vị trí phía giáp đường QL2 và phía giáp đường vào xóm P. Gia đình ông T đã kê khai (theo thừa nhận của ông T tại đơn khởi kiện BL05, BL29) tại sổ mục kê đất ngày 30/4/1995 và tại bản đồ giải thửa 299 tờ số 44 gồm thửa đất số 14 diện tích 1770m² (trong đó đất ở 400m²); thửa đất số 14a diện tích 480m² đất hành lang giao thông.

Ông T xác nhận chữ viết trong “*Giấy thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và mua bán hoa màu*” là của bà H, ông cho rằng đã có sự sửa chữa (điền

thêm) số liệu (diện tích, kích thước đất) trong giấy thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hoa màu nhưng ông không đề nghị giám định.

Theo xác nhận của bà Phạm Thị Th khoảng tháng 6/2001 bà nhận chuyển nhượng của ông T, bà H 04m đất bám mặt đường quốc lộ 2, dài sâu hết đất là 72m, phía Nam giáp đất nhà anh S, phía Bắc giáp đất nhà ông T, phía Đông giáp đất nhà bà B. Ranh giới sử dụng đất giữa gia đình bà Th và gia đình anh S ổn định không có tranh chấp, có tường rào do anh S xây.

Quá trình sử dụng đất của gia đình anh S: Ngay sau khi nhận chuyển nhượng gia đình anh S đã làm nhà và ở trên đất, ngày 02/8/2001 anh S có “Đơn xin mở đường” gửi ông trưởng xóm, nội dung đất của gia đình anh mua của ông T giáp với con đường vào xóm hiện tại đường vòng vèo, gồ ghề không bằng phẳng, nên đề nghị xóm cho anh được làm đoạn đường từ Quốc lộ 2 đến cổng nhà bà B thành đoạn đường thẳng để anh lấy đất đổ vào mảnh đất của gia đình anh, đơn đã được trưởng xóm nhất trí cho gia đình anh làm. Tại biên bản xác minh ngày 05/7/2018 ông Phạm Trung H Trưởng thôn (cũ) xác nhận anh S xin đất tả luy để đổ tôn cao nền nhà và nắn thẳng, mở rộng đường đi vào khu dân cư xóm P (hiện trạng đường đi lúc đó có tả luy cao phía giáp Trường tiểu học phân hiệu Tuyên Hà), ông nhất trí. Khi san đất nắn đường và tôn đất anh S có lấn vào một phần diện tích đất đường vào khu dân cư, nhưng dân cư trong thôn không ai có ý kiến gì vì con đường vào thôn được mở rộng hơn, thoáng hơn. Xác nhận của ông H phù hợp với nội dung “Đơn xin mở đường” ngày 02/8/2001 của anh S. Như vậy đất của gia đình anh S đã tăng lên (về diện tích và chiều rộng bám mặt đường quốc lộ 2). Ranh giới đất phía “sát đường làng” đã có sự thay đổi mở rộng về phía đường làng.

Tại Sơ đồ đo vẽ thửa đất đang có tranh chấp giữa ông Đỗ Thế T và anh Kiều Quốc S ngày 09/8/2017 của cơ quan đo vẽ Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Y thể hiện phần đất tranh chấp có diện tích 89,5m², giới hạn bởi các điểm (a,b,c,d,e,f,g,17,h,18,19,20,i,21, j, 22,23,24,k,25,a). Áp bản đồ giải thửa 299 lên hiện trạng sử dụng đất, thể hiện toàn bộ phần đất tranh chấp là thuộc diện tích đất đường giao thông (đường liên xóm vào khu dân cư). Mảnh đất của gia đình anh S tại thời điểm nhận chuyển nhượng đất của ông T và bà H, ranh giới phía giáp đường liên xóm vào khu dân cư, được giới hạn bởi các điểm a,b,c,d,e,f,g (trên sơ đồ hiện trạng). Ranh giới đất hiện trạng đang sử dụng của gia đình anh S phía giáp đường vào khu dân cư đã thay đổi (so với ranh giới tại thời điểm nhận chuyển nhượng của gia đình ông T, bà H), được giới hạn bởi các điểm 16,17,18,19,20,21,22,23,24,25 (trên sơ đồ hiện trạng), ranh giới hiện tại nằm trên phần đất của đường liên xóm vào khu dân cư (đã lấn về phía đường liên xóm vào khu dân cư). Do đó có căn cứ xác định phần đất gia đình anh S sử dụng vượt quá diện tích đất nhận chuyển nhượng của ông T bà H đang có tranh chấp (89,5m², chiều rộng bám mặt đường Quốc lộ 2 là 2,11m) là do gia đình anh S lấn chiếm vào phần diện tích đất của đường vào khu dân cư khi gia đình anh thực hiện việc nắn thẳng, mở rộng đường năm 2001.

Mặt khác tại thời điểm ông T bà H chuyển nhượng đất cho bà Th (năm 2001) thì ranh giới đất giữa nhà anh S với gia đình ông T không có tranh chấp (không có tranh chấp nên ông T mới thực hiện được việc chuyển nhượng). Sau

thời điểm ông T chuyển nhượng đất cho bà Th (năm 2001) thì đất của ông T giáp ranh với đất nhà bà Th, không còn giáp ranh với đất của gia đình nhà anh S nữa.

Vì vậy việc ông T bà H cho rằng gia đình anh S lấn chiếm 89,5m² đất có chiều rộng tám mét đường Quốc lộ 2 là 2,11m của gia đình ông bà và đề nghị anh S chị V phải trả lại đất là không có căn cứ.

Đối với diện tích đất gia đình anh S lấn chiếm (89,5m²) Ủy ban nhân dân xã T xác định anh Kiều Quốc S lấn chiếm đường giao thông thuộc đất do UBND xã quản lý, hiện tại UBND xã chưa có kế hoạch sử dụng, khi nào nhà nước hoặc xóm P có nhu cầu xây dựng đề nghị mở rộng đường giao thông thì gia đình anh S chị V phải tự giải phóng mặt bằng trả lại 89,5m² đất. UBND xã không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết là có căn cứ, các đương sự (UBND xã T và anh S, chị V) có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Đỗ Thế T đòi anh S chị V phải trả 89,5m² đất lấn chiếm có chiều rộng tám mét đường Quốc lộ 2 là 2,11m; giữ nguyên bản án sơ thẩm về nội dung này.

[2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Thế T được miễn án phí dân sự phúc thẩm (là người cao tuổi), theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[3]. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 166; 170, 203 Luật đất đai. Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Thế T.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như sau: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thế T và bà Vũ Thị H về việc kiện đòi diện tích đất 89,5m²; đất được giới hạn tại các điểm a,b,c,d,e,f,g,17,h,18,19,20,i,21,j, 22,23,24,k,25,a, tại Sơ đồ đo vẽ thửa đất đang có tranh chấp giữa ông Đỗ Thế T và anh Kiều Quốc S lập ngày 09/8/2017; trị giá đất 116.350.000đ (Một trăm mười sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng); hiện anh Kiều Quốc S và chị Nguyễn Thị V đang quản lý

sử dụng; địa chỉ đất tại Xóm P, xã T huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Kèm theo Sơ đồ đo vẽ thửa đất đang có tranh chấp giữa ông Đỗ Thế T và anh Kiều Quốc S.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Thế T được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 08/11/2018./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Hồ Loan